

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ PRONICS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ PRONICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PRONICS VIET NAM TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108843580

3. Ngày thành lập: 31/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 34 Nguyễn Văn Ngọc, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
2.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
5.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690

6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
7.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
11.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
12.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
13.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
14.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
15.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
16.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
17.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
18.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
19.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
20.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

21.	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh</p>	4773
22.	<p>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)</p>	4791
23.	<p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Trừ hoạt động đấu giá)</p>	4799
24.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: Logistics - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;</p>	5229
25.	<p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh</p>	5610
26.	<p>Dịch vụ phục vụ đồ uống</p> <p>Chi tiết: - Kinh doanh quán bar - Kinh doanh karaoke</p>	5630
27.	<p>Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)</p>	5911

28.	Hoạt động hậu kỳ Chi tiết: Hoạt động như biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các phim hoạt họa và các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh, các hoạt động làm thử phim điện ảnh, hoạt động của các phòng thí nghiệm đặc biệt dành sản xuất phim hoạt họa.	5912
29.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
30.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm)	6820
32.	Quảng cáo	7310
33.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
34.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
36.	Đại lý du lịch	7911
37.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	7912
38.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
39.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559

43.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học	8560
44.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ	8620
45.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
46.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
47.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (Trừ hoạt động môi giới hôn nhân)	9633
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Giáo dục nhà trẻ Chi tiết: Cơ sở giáo dục nhà trẻ tư thục	8511
51.	Giáo dục mẫu giáo Chi tiết: Cơ sở giáo dục mẫu giáo tư thục	8512
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510

55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
56.	In ấn	1811
57.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
58.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
59.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
60.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
62.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
63.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
64.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
66.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
67.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác - Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
68.	Bán buôn đồ uống	4633
69.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

